

KẾ HOẠCH

Đào tạo sau đại học ở nước ngoài tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2016 - 2020 và những năm tiếp theo

Căn cứ Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Nghị quyết số 104/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Đề án phát triển nguồn nhân lực tỉnh Kiên Giang đến năm 2020 và những năm tiếp theo;

Căn cứ Nghị quyết số 119/2018/NQ-HĐND ngày 08 tháng 01 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc sửa đổi, bổ sung nội dung của Đề án phát triển nguồn nhân lực tỉnh Kiên Giang đến năm 2020 và những năm tiếp theo ban hành kèm theo Nghị quyết số 104/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Đề án phát triển nguồn nhân lực tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Kế hoạch số 44/KH-UBND ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về thực hiện Đề án phát triển nguồn nhân lực tỉnh Kiên Giang đến năm 2020 và những năm tiếp theo;

Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Kế hoạch đào tạo sau đại học ở nước ngoài tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2016-2020 và những năm tiếp theo như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Nhằm đảm bảo tính liên tục trong công tác đào tạo sau đại học ở nước ngoài tiếp nối Đề án đào tạo sau đại học ở nước ngoài tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2010-2015, tiếp tục thực hiện đảm bảo các mục tiêu trong Đề án phát triển nguồn nhân lực tỉnh Kiên Giang đến năm 2020 và những năm tiếp theo về đào tạo sau đại học ở nước ngoài tỉnh Kiên Giang.

Đào tạo đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Kiên Giang có phẩm chất, năng lực và trình độ, có phong cách làm việc hiện đại, cán bộ khoa học kỹ thuật giỏi, chuyên nghiệp, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, có khả năng hội nhập quốc tế để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh và xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh.



2. Yêu cầu

Đào tạo phải gắn với nhu cầu sử dụng của tỉnh, tập trung vào nhóm ngành nghề mũi nhọn, các ngành nghề cần thiết định hướng cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhưng còn thiếu đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên sâu, đào tạo đáp ứng với nhu cầu xã hội, trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

Thực hiện đảm bảo các chỉ tiêu về đào tạo sau đại học nước ngoài được đề ra trong kế hoạch thực hiện Đề án phát triển nguồn nhân lực tỉnh Kiên Giang đến năm 2020 và những năm tiếp theo.

II. ĐỐI TƯỢNG, ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN

1. Đối tượng

- Cán bộ, công chức, viên chức đang làm việc tại các cơ quan nhà nước và các đơn vị sự nghiệp trực thuộc tỉnh Kiên Giang.

- Đối tượng chưa phải là cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh.

2. Điều kiện và tiêu chuẩn đào tạo Thạc sĩ và Tiến sĩ

Tiêu chuẩn chung: Có bằng tốt nghiệp đại học chính quy; có sức khỏe đảm bảo; có trình độ ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu của cơ sở đào tạo nước ngoài (B2 trở lên). Cam kết sau khi tốt nghiệp ở nước ngoài phải làm việc tại cơ quan nhà nước và các đơn vị sự nghiệp trực thuộc tỉnh Kiên Giang với thời gian tối thiểu gấp 2 lần thời gian được đào tạo ở nước ngoài (thạc sĩ tối thiểu 04 năm; tiến sĩ tối thiểu 6 năm). Ngoài ra:

- Đối với cán bộ, công chức: Phải trong quy hoạch đào tạo; có thời gian công tác từ đủ 03 năm trở lên (không kể thời gian tập sự); 02 năm liên tục liền kề trước thời điểm cử đi đào tạo hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; tuổi đời không quá 40 tuổi tính từ thời điểm được cử đi đào tạo sau đại học lần đầu; chuyên ngành đào tạo phù hợp với vị trí việc làm.

- Đối với viên chức: Phải trong quy hoạch đào tạo; đã kết thúc thời gian tập sự (nếu có); chuyên ngành đào tạo phù hợp với vị trí việc làm.

- Đối tượng chưa phải là cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh: Có lý lịch rõ ràng, có bằng tốt nghiệp đại học chính quy phù hợp hoặc gắn với chuyên ngành đào tạo trong kế hoạch; tuổi đời không quá 30 tuổi, có hồ khẩu thường trú tại tỉnh Kiên Giang.

III. CHỈ TIÊU VÀ NHÓM NGÀNH NGHỀ

1. Chỉ tiêu

Đào tạo 45 Thạc sĩ và 05 Tiến sĩ, trong đó 30% là cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh (15 người) và 70% là đối tượng chưa phải là cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh (35 người).

2. Nhóm ngành nghề

Tập trung một số ngành quan trọng, cần thiết cho nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, gồm:

- Nhóm ngành: Du lịch; chính sách công; quản lý kinh tế: 10 ứng viên.
- Nhóm ngành: Nông nghiệp, công nghiệp, thủy sản: 10 ứng viên.
- Nhóm ngành: Khoa học kỹ thuật, công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, kỹ thuật môi trường, quản lý môi trường và biến đổi khí hậu: 07 ứng viên.
- Nhóm ngành y tế: 05 ứng viên.
- Nhóm ngành giáo dục: 05 ứng viên.
- Nhóm ngành kiến trúc quy hoạch, giao thông, xây dựng: 03 ứng viên.
- Nhóm ngành: Kinh tế (kinh tế nông nghiệp, kinh tế công nghiệp, kinh tế đầu tư và một số chuyên ngành kinh tế khác): 03 ứng viên.
- Nhóm ngành pháp luật và hội nhập quốc tế: 03 ứng viên.
- Nhóm ngành khác: 04 ứng viên.

Trong các nhóm ngành nghề nêu trên, trong quá trình triển khai thực hiện có thể điều chỉnh số lượng và ngành nghề cần đào tạo của từng ngành nghề cho phù hợp với nhu cầu sử dụng của tỉnh nhưng dẫn đảm bảo chỉ tiêu đề ra.

Ban điều hành thực hiện kế hoạch phối hợp với các sở, ban, ngành chức năng và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố xác định nhu cầu đào tạo có trình độ sau đại học để có sự cân đối trong việc đưa đi đào tạo hàng năm.

IV. NỘI DUNG

1. Quy trình tuyển chọn ứng viên

Để chuẩn bị lực lượng nguồn trong sinh viên cần phải thông báo tuyển sinh sớm từ năm cuối ở đại học, qua đó sinh viên sẽ cố gắng phấn đấu học tập, trau dồi ngoại ngữ ngay từ đầu. Công việc này giao cho Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Ban Liên lạc sinh viên và Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam tỉnh thực hiện.

a) Nộp hồ sơ:

- Cán bộ, công chức, viên chức nộp hồ sơ tại Sở Nội vụ (phải có tờ trình chấp thuận của cơ quan, đơn vị).

- Sinh viên nộp hồ sơ tại Sở Giáo dục và Đào tạo.

- Sở Nội vụ, Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xét chọn và lập danh sách những cán bộ, công chức, viên chức và đối tượng chưa phải là cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng được yêu cầu theo quy định để thông qua Ban điều hành thực hiện kế hoạch xét duyệt. Sau khi danh sách cán bộ, công chức, viên chức và đối tượng chưa phải là cán bộ, công chức, viên chức được cơ quan thẩm quyền xét duyệt sẽ trở thành ứng viên của Kế hoạch này.

b) Sơ tuyển: Định kỳ vào quý II và quý IV hàng năm, căn cứ hồ sơ tham gia dự tuyển do Sở Nội vụ và Sở Giáo dục và Đào tạo trình Ban điều hành sẽ tổ chức sơ tuyển để chọn ứng viên dự kiểm tra ngoại ngữ đầu vào trên cơ sở phối hợp với Trường Đại học Cần Thơ sẽ tổ chức kiểm tra mỗi năm 02 lần.

Sau khi có kết quả kiểm tra ngoại ngữ đầu vào, Ban điều hành sẽ duyệt danh sách ứng viên trình UBND tỉnh.

- Trường hợp các ứng viên sau khi được tuyển chọn và kiểm tra ngoại ngữ đầu vào nếu đủ điều kiện về ngoại ngữ, Sở Nội vụ trình UBND tỉnh cử đi nước ngoài đến khi kết thúc chương trình đào tạo và về tỉnh phục vụ.

- Trường hợp các ứng viên sau khi được kiểm tra ngoại ngữ đầu vào chưa đủ điều kiện về ngoại ngữ để đi học nước ngoài phải bồi dưỡng ngoại ngữ: Có thể theo học các lớp ngoại ngữ nâng cao tại các trường: Đại học Kiên Giang, Đại học Cần Thơ, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh... thời gian tối đa là một năm. Tùy theo quốc gia hoặc trường nơi dự kiến đưa đi đào tạo mà yêu cầu ngoại ngữ cụ thể. Trước mắt ngoại ngữ phổ biến là Anh văn (*có bảng chi tiết kèm theo Kế hoạch tại Phụ lục 1*).

c) Điều kiện về ngoại ngữ đối với ứng viên

- Đối với ứng viên là cán bộ, công chức, viên chức: Khi nộp hồ sơ học thạc sĩ, tiến sĩ phải có chứng chỉ ngoại ngữ Anh văn TOEFL 600 điểm, IELTS 6.0, TOEIC 600 hoặc tương đương trở lên. Quá trình học tập ở nước ngoài, nếu không đáp ứng được điều kiện Anh văn của cơ sở đào tạo nước ngoài, thì ứng viên phải bồi hoàn toàn bộ chi phí học tập do Kế hoạch này hỗ trợ.

- Đối với ứng viên chưa phải là cán bộ, công chức, viên chức: Khi nộp hồ sơ học thạc sĩ, tiến sĩ phải có chứng chỉ ngoại ngữ Anh văn TOEFL 600 điểm, IELTS 6.0, TOEIC 600 hoặc tương đương trở lên, theo điều kiện, tiêu chuẩn quy định của cơ sở đào tạo, nếu không đáp ứng được điều kiện Anh văn, thì bị xóa tên trong danh sách ứng viên của Kế hoạch này.

d) Cử đi đào tạo

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định danh sách cử đi đào tạo sau đại học ở nước ngoài.

- Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ, Phó Ban điều hành xem xét lựa chọn, hướng dẫn ứng viên làm thủ tục hồ sơ nộp ít nhất 03 cơ sở đào tạo ở nước ngoài và ký thỏa thuận đào tạo phù hợp với ngành nghề của Kế hoạch.

- Giao Sở Nội vụ phối hợp với Trường Đại học Cần Thơ và các cơ quan, đơn vị có liên quan hoàn chỉnh thủ tục và kinh phí để ứng viên được tuyển chọn, đi học nước ngoài.

2. Hồ sơ, thủ tục (cử đi đào tạo)

- Đơn đăng ký dự tuyển của ứng viên (*Phụ lục 2 kèm theo*).

- Thông báo nhận xét đánh giá của Thủ trưởng đơn vị (đối với cán bộ, công chức, viên chức).

- Sơ yếu lý lịch theo mẫu 2A (có chứng thực của chính quyền địa phương hoặc cơ quan đơn vị trực tiếp quản lý cán bộ, công chức, viên chức) (*Phụ lục 3 kèm theo*).

- Bản sao bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng tốt nghiệp thạc sĩ, chứng chỉ ngoại ngữ (có chứng thực).

- Phiếu khám sức khỏe theo quy định của người được cử đi đào tạo nước ngoài.

- Quyết định cử đi đào tạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Hợp đồng trách nhiệm giữa Sở Nội vụ và cơ quan sử dụng cán bộ, công chức, viên chức và cá nhân được cử đi đào tạo. Riêng người được cử đi đào tạo là sinh viên trong hợp đồng trách nhiệm được ký kết ngoài thành phần nêu trên còn có đại diện gia đình (*Phụ lục 4 kèm theo*).

- Hồ sơ thủ tục khác theo quy định của cơ sở đào tạo nước ngoài (nếu có).

3. Kiện toàn Ban điều hành và Tổ giúp việc thực hiện Kế hoạch

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định kiện toàn Ban điều hành và Tổ chuyên viên giúp việc cho Ban điều hành thực hiện Kế hoạch đào tạo sau đại học ở nước ngoài.

a) Thành phần Ban điều hành thực hiện Kế hoạch đào tạo sau đại học ở nước ngoài, gồm:

- Trưởng ban: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.



- Các Phó Trưởng ban: Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ, Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang, Phó Trưởng Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo.

- Các ủy viên: Phó Trưởng Ban Tuyên giáo, Phó Giám đốc Sở Nội vụ, Phó Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Phó Giám đốc Sở Tài chính, Phó Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Kiên Giang, Phó Giám đốc Kho bạc Nhà nước Kiên Giang. Phó Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam Chi nhánh Kiên Giang.

b) Tổ chuyên viên giúp việc cho Ban điều hành thực hiện Kế hoạch gồm:

- Tổ trưởng: Trưởng phòng Công chức, Viên chức, Sở Nội vụ.

- Các tổ viên: Đại diện lãnh đạo Phòng Văn hóa - Xã hội, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; đại diện lãnh đạo Phòng Hợp tác quốc tế, Trường Đại học Cần Thơ; Trưởng phòng Ngân sách, Sở Tài chính; Trưởng phòng Tổ chức cán bộ, Sở Giáo dục và Đào tạo; Phó Trưởng phòng Công chức, viên chức, Sở Nội vụ; Trưởng phòng Tín dụng, Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Kiên Giang.

c) Thường trực Ban điều hành thực hiện Kế hoạch gồm Trưởng ban, các Phó Trưởng ban.

d) Cơ quan thường trực Ban điều hành đặt tại Sở Nội vụ.

4. Sử dụng và đãi ngộ sau khi đào tạo

a) Những ứng viên sau khi hoàn thành chương trình học tốt nghiệp Thạc sĩ, Tiến sĩ sẽ được phân công làm việc tại cơ quan cử đi đào tạo hoặc cơ quan đơn vị khác phù hợp ngành nghề đào tạo để phát huy năng lực chuyên môn được đào tạo, nếu có thành tích xuất sắc trong công tác, đóng góp thiết thực cho tỉnh sẽ được xem xét đề bạt bổ nhiệm theo quy hoạch và ưu tiên đào tạo ở trình độ cao hơn.

b) Đối với ứng viên chưa phải là cán bộ, công chức, viên chức sau khi hoàn thành chương trình đào tạo tốt nghiệp thạc sĩ, tiến sĩ theo Kế hoạch này được bố trí công tác ở các sở, ngành cơ quan, đơn vị trong tỉnh phù hợp với chuyên ngành đào tạo. Được tỉnh hỗ trợ vay với lãi suất bằng không phần trăm theo lãi suất ngân hàng số tiền vay trong thời gian đi học thuộc chương trình đào tạo chính khóa ở nước ngoài.

5. Xử lý vi phạm trong thực hiện cam kết

- Trường hợp ứng viên được cử đi đào tạo thuộc một trong các trường hợp sau đây: Không chấp hành quy định, quy chế, tự ý bỏ học, bỏ việc; vi phạm pháp luật nước sở tại buộc phải chấm dứt việc học tập; đơn phương chấm dứt hợp



đồng làm việc trong thời gian đào tạo; không được cơ sở đào tạo cấp bằng tốt nghiệp; sau khi hoàn thành khoá đào tạo không trở về công tác tại tỉnh Kiên Giang; hoặc không thực hiện đúng cam kết thời gian phục vụ tại tỉnh, không chấp hành sự bố trí công tác của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang; về nước không đúng thời hạn (trừ trường hợp cơ quan có thẩm quyền cho phép), thì tùy theo tính chất mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm theo quy định của pháp luật. Phải đền bù chi phí theo quy định tại Điều 8, Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ.

- Thời gian bồi thường không quá 02 năm kể từ khi quyết định có hiệu lực chấm dứt học tập và bồi thường tiền vay. Nộp tiền bồi thường cho Ngân hàng Chính sách xã hội Kiên Giang đối với ứng viên chưa phải là cán bộ, công chức, viên chức; đối với cán bộ, công chức, viên chức nộp tiền tại Kho bạc Nhà nước Kiên Giang.

6. Tuyên truyền, tuyển chọn, bố trí sử dụng

a) Tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức của cấp ủy đảng, chính quyền các cấp trong lãnh đạo và tổ chức thực hiện công tác quy hoạch cán bộ, đào tạo sau đại học ở nước ngoài là nhiệm vụ quan trọng của ngành và địa phương mình; xác định nhu cầu từng ngành nghề cụ thể để tuyển chọn cử đi đào tạo và bố trí sử dụng cán bộ sau khi đào tạo hợp lý.

b) Xem xét lựa chọn các trường đại học, viện nghiên cứu quốc tế ở các nước trên thế giới có trình độ khoa học tiên tiến, có trình độ quản lý cao phù hợp với lĩnh vực ngành nghề tỉnh Kiên Giang cần đào tạo, trong đó chú trọng đến các quốc gia có thiện chí giúp đỡ Việt Nam, có hợp tác đào tạo với các trường trong nước.

c) Chuẩn bị nguồn ứng viên để chọn những người có đủ đạo đức và năng lực để đưa đi đào tạo sau đại học nước ngoài.

d) Phối hợp với các trường: Đại học Kiên Giang, Đại học Cần Thơ, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh và cơ sở đào tạo nước ngoài theo dõi quá trình học tập, rèn luyện của ứng viên trong thời gian ở nước ngoài để kịp thời giúp đỡ giải quyết khó khăn trong sinh hoạt, học tập và đặc biệt là để củng cố niềm tin, nâng cao tinh thần trách nhiệm của ứng viên gắn bó với quê hương đất nước.

đ) Bố trí sử dụng ứng viên sau khi tốt nghiệp phù hợp với ngành nghề đào tạo nhằm phát huy tối đa trình độ chuyên môn nghiệp vụ vào công tác thực tế.

V. KINH PHÍ

1. Kinh phí đào tạo

Thực hiện theo Khoản 2, Khoản 3, Điều 1, Nghị quyết số 119/2018/NQ-HĐND ngày 08 tháng 01 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang, sửa đổi, bổ sung nội dung của Đề án phát triển nguồn nhân lực tỉnh Kiên Giang đến năm 2020 và những năm tiếp theo ban hành kèm theo Nghị quyết số 104/2017/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Định mức chi tạm thời

- Căn cứ Quyết định số 77/2001/QĐ-TTg ngày 14 tháng 5 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ về chi phí cho việc đào tạo cán bộ khoa học kỹ thuật tại các cơ sở nước ngoài bằng ngân sách nhà nước;

- Căn cứ Thông tư số 141/2009/TT-BTC ngày 13 tháng 7 năm 2009 của Bộ Tài chính quy định chế độ tài chính thực hiện Đề án “Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo quản lý ở nước ngoài bằng ngân sách nhà nước”;

- Căn cứ Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Bộ Tài chính về quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức;

- Căn cứ Quyết định số 02/2015/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc quy định về chế độ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và thu hút nguồn nhân lực tỉnh Kiên Giang;

- Chi phí điều hành và chi phí bồi dưỡng ngoại ngữ theo thông báo của các trường trong nước.

3. Dự toán kinh phí đào tạo 50 thạc sĩ, tiến sĩ nước ngoài

a) Dự kiến 15 cán bộ, công chức, viên chức học ngoại ngữ trong nước: 22.540USD tương đương 513.000.000VND (*năm trăm mười ba triệu đồng*).

b) Chi phí đào tạo nước ngoài 50 thạc sĩ, tiến sĩ: 1.967.990 USD tương đương 44.791.450.000VND (*bốn mươi bốn tỷ, bảy trăm chín mươi một triệu, bốn trăm năm mươi ngàn đồng*).

c) Chi phí điều hành quản lý, hội nghị sơ, tổng kết: 22.329 USD = 508.200.000VND (*năm trăm lẻ tám triệu hai trăm ngàn đồng*).

d) Chi phí đi lại liên lạc các cơ sở đào tạo trong nước để tuyển chọn sinh viên: 3.323 USD = 75.625.000VND (*bảy mươi lăm triệu, sáu trăm hai mươi lăm ngàn đồng*).

- Tổng (a+b+c+d) = 2.016.181USD tương đương 45.888.275.000VND (*bốn mươi lăm tỷ, tám trăm tám mươi tám triệu, hai trăm bảy mươi lăm ngàn đồng*).

- Kinh phí dự phòng (10%): 201.617USD tương đương 4.588.827.500VND (bốn tỷ, năm trăm tám mươi tám triệu, tám trăm hai mươi bảy ngàn, năm trăm đồng).

* Tổng kinh phí đào tạo 50 thạc sĩ, tiến sĩ nước ngoài ước tính là: 2.217.798 USD tương đương 50.477.102.500 VND (năm mươi tỷ, bốn trăm bảy mươi bảy triệu, một trăm lẻ hai ngàn, năm trăm đồng).

(Có bảng chi tiết kèm theo Kế hoạch tại Phụ lục 5).

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thời gian thực hiện

Kế hoạch này được thực hiện trong 5 năm: Từ năm 2016 đến năm 2020 và được kéo dài 3 năm để hoàn tất chương trình đào tạo của những ứng viên cử đi đào tạo năm 2020. Đánh giá Kế hoạch để kiểm điểm tiến độ, hiệu quả cùng các tác động theo mục tiêu Kế hoạch đề ra. Thời gian đánh giá được chia làm 2 đợt như sau:

- Đợt 1 sau 02 năm thực hiện;
- Đợt 2 sau khi kết thúc Kế hoạch.

2. Phân công nhiệm vụ

2.1. Ban điều hành

- Tổ chức thực hiện đúng mục tiêu yêu cầu Kế hoạch được ban hành; đề xuất biện pháp xử lý đối với cơ quan, đơn vị, cá nhân vi phạm
- Xét trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh sách ứng viên đủ điều kiện tham gia dự tuyển chương trình đào tạo của Kế hoạch.
- Dự trù kinh phí thực hiện Kế hoạch hàng năm trình Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Tổ chức sơ, tổng kết rút kinh nghiệm, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và biểu dương khen thưởng cơ quan, đơn vị, cá nhân có thành tích xuất sắc trong quá trình thực hiện Kế hoạch.

2.2. Sở Nội vụ

- Sở Nội vụ tiếp nhận hồ sơ và lập danh sách cán bộ, công chức, viên chức đang làm việc tại các cơ quan nhà nước và các đơn vị sự nghiệp trực thuộc tỉnh Kiên Giang.
- Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định cử đi đào tạo sau đại học ở nước ngoài, quyết định cấp hoặc hỗ trợ kinh phí đào tạo, tham gia

ký kết hợp đồng trách nhiệm (theo mẫu) và bố trí công tác sau khi hoàn thành khóa đào tạo.

- Phối hợp với Sở Tài chính giúp Ban điều hành dự trù kinh phí thực hiện Kế hoạch từng năm trình Ủy ban nhân dân tỉnh. Quản lý, sử dụng và báo cáo quyết toán kịp thời các khoản kinh phí liên quan đến Kế hoạch đã được ngân sách cấp và tạm ứng qua Sở Nội vụ.

- Phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu đề xuất Ban điều hành trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế đào tạo sau đại học nước ngoài tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2016-2020, và những năm tiếp theo phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh.

2.3. Sở Tài chính

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, bố trí dự toán kinh phí thực hiện Kế hoạch hàng năm theo quy định.

- Quản lý và cấp phát kinh phí kịp thời, tổng hợp quyết toán ngân sách kinh phí đã cấp, hỗ trợ cho ứng viên được cử đi đào tạo nước ngoài trên cơ sở báo cáo quyết toán của Sở Nội vụ.

2.4. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Liên hệ với Bộ Giáo dục và Đào tạo để được hỗ trợ nguồn học bổng đào tạo ở nước ngoài (nếu có).

- Tiếp nhận hồ sơ và trình Ban điều hành đưa vào danh sách tạo nguồn cử đi đào tạo nước ngoài đối với ứng viên chưa là cán bộ, công chức, viên chức.

2.5. Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Kiên Giang

Hướng dẫn các thủ tục và cho sinh viên vay tiền đi học theo quy định.

2.6. Kho bạc Nhà nước Kiên Giang

Phối hợp với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Chi nhánh Kiên Giang lập các thủ tục chuyên tiền cho ứng viên đi học theo Kế hoạch đào tạo sau đại học ở nước ngoài của tỉnh.

2.7. Thủ trưởng các cơ quan quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức căn cứ vào nguyên tắc, quy trình quản lý cán bộ, công chức, viên chức xem xét chọn cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo nước ngoài, tham gia ký kết hợp đồng trách nhiệm, bố trí công tác sau khi cán bộ, công chức, viên chức thuộc quyền quản lý hoàn thành khóa học và thực hiện các chế độ chính sách có liên quan theo quy định.

Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này trong ngành và địa phương mình; hàng năm, tuyển chọn cán bộ, công chức, viên chức, và đối tượng chưa phải là cán bộ, công chức, viên chức đủ tiêu chuẩn đăng ký với Sở Nội vụ và Sở Giáo dục và Đào tạo; tiếp nhận ứng viên tốt nghiệp theo sự phân công của Trưởng Ban điều hành và Ủy ban nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- TT. HĐND tỉnh;
- CT và các PCT. UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Sở Nội vụ (6 bản);
- Kho bạc Nhà nước tỉnh Kiên Giang;
- Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Kiên Giang;
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương- CN Kiên Giang;
- Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;
- Trường Đại học Cần Thơ;
- Trường Đại học Kiên Giang;
- UBND cấp huyện;
- Phòng Nội vụ cấp huyện;
- LĐVP, P. NCPC;
- Lưu: VT, vttrinh.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Vũ Hồng

KIỂM

**ĐÀO TẠO NGOẠI NGỮ CHO ỨNG VIÊN
THEO KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC Ở NƯỚC NGOÀI
TỈNH KIÊN GIANG GIAI ĐOẠN 2016-2020
VÀ NHỮNG NĂM TIẾP THEO**

1. Mục tiêu

Khi kết thúc mỗi khóa học, ứng viên sẽ có thể:

- Sử dụng các kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) tiếng Anh trong giao tiếp hàng ngày;
- Nắm vững các kỹ năng cần thiết để làm một bài IELTS. Đây là kỳ thi tiếng Anh bắt buộc dành cho các sinh viên quốc tế muốn theo học tại một trường đại học hoặc sau đại học có chương trình giảng dạy bằng tiếng Anh;
- Được trang bị vốn kiến thức về tiếng Anh chuyên ngành, giúp ích cho ứng viên phần nào khi mới vào chương trình học ở nước ngoài;
- Được tham gia thi mô phỏng liên tục trong suốt khóa học để quen dần với áp lực thi quốc tế nhằm đạt kết quả tốt nhất có thể cạnh tranh tốt hơn trong các chương trình học bổng nước ngoài

2. Nội dung chương trình

Trung tâm Ngoại ngữ trường Đại học Cần Thơ sẽ đảm trách các công việc:

- Khảo sát trình độ tiếng Anh hiện có của ứng viên qua kỳ kiểm tra đầu vào trước khi khóa học chính thức bắt đầu;
- Giảng dạy tiếng Anh theo hình thức tập trung dài hạn cho ứng viên được tuyển chọn trong kỳ thi;
- Tổ chức thi và cấp giấy chứng nhận hoàn thành các lớp luyện thi IELTS do Hội đồng Anh tổ chức tại Trung tâm Ngoại ngữ trường Đại học Cần Thơ;
- Hỗ trợ việc làm thủ tục tham dự kỳ thi IELTS do Hội đồng Anh tổ chức và cấp chứng chỉ;

3. Kế hoạch và thời gian thực hiện

Ứng viên được tuyển chọn từ kỳ kiểm tra đầu vào sẽ theo học các module sau đây:

Module	Thời gian học	Giáo trình	Thời gian kiểm tra	Chứng chỉ
Module 1: IELTS	10 tuần = 160 tiết lên lớp, 16 tiết/tuần, 16 tiết	IELTS FOUNDATION	Sau khi kết thúc Module 1	Giấy chứng nhận Module 1 do

Module	Thời gian học	Giáo trình	Thời gian kiểm tra	Chứng chỉ
FOUNDATION (tương ứng IELTS 3.0-4.0)	bài tập về nhà, 40 tiết thi mô phỏng		Điểm đạt tương đương 3.0	Trung tâm Ngoại ngữ cấp.
Module 2: IELTS 4.0-5.0	10 tuần = 160 tiết lên lớp, 16 tiết/tuần, 16 tiết bài tập về nhà, 40 tiết thi mô phỏng	IELTS COMPLETE Bands 4.0-5.0	Sau khi kết thúc Module 2. Điểm đạt tương đương 4.0	Giấy chứng nhận Module 2 do Trung tâm Ngoại ngữ cấp.
Module 3: IELTS 5.0-6.5	10 tuần = 160 tiết lên lớp, 16 tiết/tuần, 16 tiết bài tập về nhà, 40 tiết thi mô phỏng	IELTS COMPLETE Bands 5.0-6.5	Sau khi kết thúc Module 3. Điểm đạt tương đương 5.0	Giấy chứng nhận Module 3 do Trung tâm Ngoại ngữ cấp.
Module 4: IELTS 6.5-7.5	10 tuần = 160 tiết lên lớp, 16 tiết/tuần, 16 tiết bài tập về nhà/tuần, 80 tiết thi mô phỏng	IELTS COMPLETE Bands 6.5-7.5 Do Trung tâm Ngoại ngữ biên soạn hướng dẫn ứng viên kiểm soát thời gian làm bài để đạt được điểm mong muốn	Sau khi kết thúc Module 4. Điểm đạt tương đương 6.0 Điểm hướng đến trong kì thi quốc tế 6.5	Giấy chứng nhận Module 4 do Trung tâm Ngoại ngữ cấp.

Trong thời gian học các Module: 1.600 tiết (= 40 tuần). Trong đó:

- IELTS từ Foundation đến IELTS 6.5 : 640 tiết
- Thi mô phỏng : 320 tiết
- Bài tập về nhà: 640 tiết
- Thời gian bù giờ, ôn thi, thi và chấm thi giữa các Module: 02 tuần.

Như vậy, thời gian trọn khóa nâng cao trình độ cho ứng viên là 48 tuần (12 tháng).

BIỂU 1: BẢNG QUY ĐỔI GIỮA CÁC CHUẨN ĐÁNH GIÁ NGOẠI NGỮ

Chuẩn đánh giá	Mức điểm			
	B1	B2	C1	C2
CEFR				
IELTS	4,0 - 4,5 - 5,0	5,5 - 6,0 - 6,5	7,0 - 7,5 - 8,0	8,5 - 9,0
TOEFL (IBT)	41 - 64	65 - 78	79 - 95	96 - 120
TOEFL (CBT)	123 - 180	183 - 210	213 - 240	243 - 300
TOEFL (PBT)	437 - 510	513 - 547	550 - 587	590 - 677

Lưu ý: Quy đổi giữa CEFR và IELTS, TOEFL là theo quy định của Bộ GD&ĐT.

4. Điều kiện tiên quyết

Thành thạo các kỹ năng ngôn ngữ là một yêu cầu cần thiết đối với ứng viên đi học ở nước ngoài. Vì vậy, để đạt được thành tích tốt trong các khóa học nâng cao trình độ ngoại ngữ này, ứng viên cần đáp ứng những điều kiện sau đây:

- Trình độ ngoại ngữ để dự thi kiểm tra đầu vào: Chứng chỉ quốc gia trình độ B2 Anh văn hoặc tương đương trở lên.

- Tham dự đầy đủ chương trình học của các lớp nêu trong phần III.

- Để được vào học Module 2, ứng viên phải có Chứng chỉ ngoại ngữ quốc gia trình độ B2 Anh văn hoặc thi xếp lớp đạt IELTS 3.0.

- Để được vào học Module 3, ứng viên phải có Giấy chứng nhận Module 2 do Trung tâm Ngoại ngữ trường Đại học Cần Thơ cấp hoặc thi xếp lớp đạt IELTS 4.0

- Để được vào học Module 4, ứng viên phải có Giấy chứng nhận Module 3 do Trung tâm Ngoại ngữ trường Đại học Cần Thơ cấp hoặc thi xếp lớp đạt IELTS 5.0

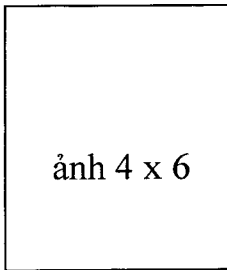
- Học xong Module 4, ứng viên dự thi kiểm tra. Nếu đạt yêu cầu sẽ được cấp giấy chứng nhận Module 4 hoặc Hội đồng Anh tổ chức thi cấp chứng chỉ quốc tế IELTS 6.0 – 6.5.

Nếu đáp ứng các yêu cầu của 4 Module này, ứng viên được xem là đã hoàn tất chương trình nâng cao trình độ ngoại ngữ cho ứng viên của Kế hoạch.

Số lượng ứng viên tối thiểu trong một lớp Module là 15 người.

Học viên của các Module sẽ học liên tục 04 ngày/tuần, từ thứ ba đến thứ sáu vào buổi sáng, buổi chiều tự học tại phòng thực hành tiếng và làm bài tập của Trung tâm, chiều thứ Sáu hàng tuần thi mô phỏng và được đánh giá liên tục trong quá trình học.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



ĐƠN ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN
Ứng viên Kế hoạch đào tạo Sau đại học ở nước
ngoài tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2016 - 2020
và những năm tiếp theo

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang;
- Ban Điều hành thực hiện Kế hoạch.

1. Họ và tên:Giới tính :.....
2. Ngày, tháng, năm sinh:.....
3. Nơi sinh:
4. Quê quán: Dân tộc:.....
5. Hộ khẩu thường trú tại: Đường:.....
Phường/xã: Quận/Huyện:.....
Điện thoại/di động:..... Email:.....
6. Đơn vị công tác (nếu có):.....
Địa chỉ:
Điện thoại : Fax :.....
Chức danh công tác hiện nay:.....
Ngày được tuyển dụng chính thức (nếu có):.....
7. Trình độ học vấn:
 - 7.1 Đại học: Chuyên ngànhHệ đào tạo:.....
Tên trường: Quốc gia:.....
Thời gian đào tạo: từ đến.....
Xếp loại :

Tên đề tài tốt nghiệp (nếu có).....
.....
.....
.....

7.2 Thạc sĩ: Chuyên ngành :.....Hệ đào tạo:

Tên trường:Quốc gia:

Thời gian đào tạo: từ đến.....

Xếp loại :.....

Tên công trình tốt nghiệp (nếu có).....
.....
.....
.....

Sau khi nghiên cứu các điều kiện và tiêu chuẩn tuyển sinh của Kế hoạch đào tạo Sau đại học ở nước ngoài tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2016 - 2020 và những năm tiếp theo, tôi xin tự nguyện đăng ký tham gia dự tuyển, cụ thể như sau:

- Trình độ đào tạo: Tiến sĩ Thạc sĩ
- Chuyên ngành:
- Quốc gia dự kiến đăng ký đào tạo:(ý kiến tham khảo).....
- Đã có chứng chỉ ngoại ngữ :Trình độ đạt được

....., Ngày...tháng.....năm

Người đăng ký dự tuyển

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ảnh
4x6
có dấu
giáp lai

SƠ YẾU LÝ LỊCH

PHẦN I: TÓM TẮT BẢN THÂN

1. Họ và tên khai sinh : Giới tính :
- Tên thường gọi :
2. Ngày, tháng, năm sinh : Tại :
3. Quê quán :
4. Dân tộc :
5. Tôn giáo :
6. Thành phần gia đình :
7. Thành phần bản thân :
8. Thường trú số : Đường :
- Phường : Quận :
- Tỉnh/Thành phố : Điện thoại :
9. Tạm trú số : Đường :
- Phường : Quận :
- Tỉnh/Thành phố : Điện thoại :
10. Chứng minh nhân dân số: Cấp ngày: Tại
11. Ngày và nơi vào Đoàn TNCSHCM:
12. Ngày và nơi vào Đảng CSVN: Dự bị: Chính thức
13. Trình độ lý luận chính trị :
14. Trình độ quản lý nhà nước (hành chính) :
15. Ngày nhập ngũ (nếu có) : Ngày xuất ngũ :
16. Cấp hàm cao nhất :
17. Đã đi học, sinh sống ở nước ngoài (nước nào, khi nào, bao lâu, làm gì) : ...
-
-

.....
.....
.....
.....
18. Đặc điểm lịch sử và truyền thống gia đình :

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

19. Quá trình học tập chuyên môn và chính trị : (từ khi bắt đầu học đại học):

Từ tháng năm đến tháng năm	Trường đào tạo	Hệ đào tạo	Bằng cấp	Xếp loại

20. Kết quả hoạt động khoa học kỹ thuật (bài báo khoa học, đề tài nghiên cứu khoa học, giải thưởng khoa học, tham gia các hội nghị khoa học...) ..

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

21. Trình độ ngoại ngữ :

Ngoại ngữ	Bằng cấp	Kết quả/Xếp loại	Nơi cấp

22. Các bằng cấp, chứng chỉ khác nếu có (ghi rõ thời gian và nơi cấp):.....

.....

.....

.....

.....

.....

23. Quá trình công tác: (nếu có)

Từ tháng năm đến tháng năm	Đơn vị công tác - địa chỉ	Nhiệm vụ- chức danh
-------------------------------	---------------------------	---------------------

--	--	--

* Tên cơ quan/đơn vị công tác hiện nay:

- Chức danh:

- Địa chỉ:.....

- Điện thoại:..... Fax:.....

- Các nhiệm vụ:

.....

24. Lĩnh vực và công việc nào đã có tích lũy, tự nhận thấy đã thu được thành công nhất

.....

.....

.....

.....

.....

25. Đã từng là thành viên hoặc đang tham gia công tác tại các đoàn thể, câu lạc bộ, tổ chức, hiệp hội (ghi rõ tháng năm công tác, chức vụ):

.....

.....

.....

.....

26. Khen thưởng và kỷ luật trong suốt quá trình học tập, công tác, sinh hoạt (ghi rõ hình thức khen thưởng/kỷ luật, lý do, cấp thực hiện). Nộp kèm bản sao các nội dung khen thưởng, kỷ luật:.....

.....
.....
.....
27. Nguyên vọng về lĩnh vực đào tạo (đánh dấu vào ô tương ứng)

- + Du lịch; Chính sách công
- + Nông nghiệp, Công nghiệp, Thủy sản.....
- + Khoa học kỹ thuật, công nghệ thông tin
- + Công nghệ sinh học
- + Y tế
- + Giáo dục.....
- + ; Quản lý Kinh tế
- + Ngành nghề khác (ghi cụ thể)

Tập trung một số ngành quan trọng, cần thiết cho nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh, gồm:

PHẦN II: QUAN HỆ GIA ĐÌNH

28. Ông bà nội ngoại:

- Họ tên ông nội:.....Năm sinh:.....

Nghề nghiệp (nếu tham gia cách mạng hoặc công tác được huân – huy chương kháng chiến/lao động, liệt sĩ/thương binh, gia đình có công cách mạng, Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam thì ghi rõ) :.....
.....
.....
.....

- Họ tên bà nội:Năm sinh:.....

Nghề nghiệp (Ghi như phần ông nội):
.....
.....
.....

- Họ và tên ông ngoại:.....

Nghề nghiệp (Ghi như phần ông nội):
.....
.....
.....

- Họ và tên bà ngoại:

Nghề nghiệp (Ghi như phần ông nội):
.....
.....
.....

29. Họ và tên cha: **bí danh:**.....

- Năm sinh: tại:.....

- Quê quán:

- Thường trú:

- Nghề nghiệp và đơn vị công tác:

+ Quá trình học tập, công tác trước 1954, từ 4/1954-04/1975 (ghi rõ chức vụ, cấp bậc, đơn vị công tác, nếu là Đảng viên ĐCSVN thì ghi rõ Đảng viên):.....

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

+ Sau 04/1975 ghi rõ chức vụ, cấp bậc, đơn vị công tác, nếu là Đảng viên thì ghi rõ Đảng viên):.....

.....
.....

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

30. **Họ và tên mẹ:** **bí danh:**

- Năm sinh: tại:

- Quê quán:

- Thường trú:

- Nghề nghiệp và đơn vị công tác:

.....

+ Quá trình học tập, công tác trước 1954, từ 4/1954 – 4/1975 (ghi rõ chức vụ, cấp bậc, đơn vị công tác, nếu là Đảng viên thì ghi rõ Đảng viên):.....

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

+ Sau 4/1975 ghi rõ chức vụ, cấp bậc, đơn vị công tác, nếu là Đảng viên thì ghi rõ Đảng viên):

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

31. Anh, chi, em ruột (họ tên, năm sinh, làm gì, cư ngụ ở đâu, nếu là Đảng viên thì ghi rõ Đảng viên):

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

32. Tình trạng hôn nhân: Độc thân Có gia đình Ly dị

33. Họ và tên vợ/chồng:

Thường trú:

.....

Nghề nghiệp và đơn vị công tác:

.....

Địa chỉ công tác:

.....

Đảng viên hay Đoàn viên:

34. Họ và tên các con (tuổi, làm gì, cư ngụ ở đâu):

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

35. Chú, bác, cô, cậu, dì ruột (Họ tên, năm sinh, nơi sinh; cần ghi rõ quá trình sống và làm việc trước 1954, từ 1954-4/1975, từ 5/1975 đến nay; làm gì, ở đâu; chức vụ, cấp bậc, đơn vị công tác; nếu là Đảng viên Đảng Cộng sản thì ghi rõ Đảng viên, nếu định cư tại nước ngoài thì ghi rõ từ thời gian nào, nước nào, theo diện gì)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

36. Gia đình của vợ hoặc chồng (nếu có):

- Họ và tên ông nội vợ/chồng (khai như ông nội ruột):

.....

.....

.....

.....
.....
-Họ và tên bà nội vợ/chồng (khai như bà nội ruột):.....

.....
.....
.....
.....
.....
.....
-Họ và tên ông ngoại vợ/chồng (khai như ông ngoại ruột):.....

.....
.....
.....
.....
.....
.....
-Họ và tên bà ngoại vợ/chồng (khai như bà ngoại ruột):.....

.....
.....
.....
.....
.....
.....
-Cha vợ/chồng (khai như phần cha ruột):

.....
.....
.....
.....
.....
.....
-Mẹ vợ/chồng (khai như phần mẹ ruột):

- Anh, chị, em vợ/chồng (họ tên, làm gì, cư ngụ ở đâu, nếu là Đảng viên Đảng Cộng sản thì ghi rõ Đảng viên):

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

37. Hoàn cảnh kinh tế (thu nhập của bản thân, của vợ và chồng, tính bình quân)

.....
.....
.....
.....
.....
.....

PHẦN III: TỰ NHẬN XÉT BẢN THÂN (ƯU, NHƯỢC ĐIỂM)

.....
.....
.....
.....
.....
.....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật, nếu có gì sai trái tôi xin chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật./.

Xác nhận của cơ quan , ngày ... tháng ... năm 20....
hoặc địa phương **Người khai**
(Ký, ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG

**Trách nhiệm giữa Sở Nội vụ, cơ quan sử dụng cán bộ,
công chức, viên chức và cá nhân được cử đi đào tạo Sau đại học
ở nước ngoài tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2016 - 2020 và
những năm tiếp theo**

Căn cứ Bộ Luật Dân sự của Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số

Căn cứ

Căn cứ.....

Hôm nay, ngày tháng năm , chúng tôi gồm:

Bên A: Ban Điều hành thực hiện Kế hoạch.

Đại diện:

Chức vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại:.....

Bên B: Ứng viên.

Họ và tên: Nam/nữ.....

Ngày, tháng, năm sinh:..... Nơi sinh.....

Quê quán:

Số CMND:..... Cấp ngày..... Nơi cấp.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

.....

Nghề nghiệp hiện nay:

Bên C: Người bảo lãnh tài chính cho ứng viên

Tôi tên là:..... Quan hệ với ứng viên

Ngày, tháng, năm sinh:..... Nơi sinh.....

Số CMND

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Nghề nghiệp hiện nay:

Đơn vị đang công tác (nếu có):.....

Chức vụ:

Bên D: Cơ quan, đơn vị tiếp nhận bố trí công tác cho ứng viên

Đại diện:

Chức vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Bốn bên đã trao đổi và thống nhất thực hiện các điều khoản sau đây:

Điều 1. Trách nhiệm của bên A.

1. Xúc tiến hồ sơ và tạo mọi điều kiện cần thiết để bên B được đi đào tạo theo qui định của Đề án và yêu cầu của cơ sở đào tạo.

2. Tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí công tác phù hợp với chuyên môn và trình độ đào tạo sau khi ứng viên tốt nghiệp trở về tỉnh.

Điều 2. Trách nhiệm của bên B.

1. Tôn trọng và chấp hành pháp luật của Việt Nam và nước được cử đến để học; qui định của cơ sở đào tạo và hợp đồng đã ký kết.

2. Phải thường xuyên giữ mối liên hệ với Ban Điều hành thực hiện Kế hoạch (qua Sở Nội vụ) định kỳ 6 tháng 1 lần phải báo cáo kết quả học tập, nghiên cứu, tình hình sinh hoạt.

3. Sau khi hoàn thành khoá học phải về nước đúng thời hạn qui định và chậm nhất 60 ngày kể từ ngày kết thúc chương trình đào tạo phải đến trình diện Sở Nội vụ và chờ phân công công tác.

4. Nếu không thực hiện đúng hợp đồng đã ký kết hoặc có những vi phạm phải chịu trách nhiệm về vật chất như sau:

Hoàn trả tiền vay để đi học, khi kết quả học tập, sinh hoạt của năm học không đạt yêu cầu, phải chấm dứt việc học tập.

Thời gian hoàn trả không quá một năm kể từ khi quyết định có hiệu lực chấm dứt học tập và trả tiền vay.

5. Phải đền bù chi phí theo quy định tại Điều 8, Nghị định số 101/107/NĐ-CP ngày 01 tháng 09 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trong các trường hợp sau:

- Không chấp hành quy định, quy chế, tự ý bỏ học, bỏ việc;
- Vi phạm pháp luật nước sở tại buộc phải chấm dứt việc học tập;
- Đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc trong thời gian đào tạo;
- Không được cơ sở đào tạo cấp bằng tốt nghiệp;
- Sau khi hoàn thành khoá đào tạo không trở về công tác tại tỉnh Kiên Giang; hoặc không thực hiện đúng cam kết thời gian phục vụ tại tỉnh, không chấp hành sự bố trí công tác của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang.
- Về nước không đúng thời hạn (trừ trường hợp cơ quan có thẩm quyền cho phép), thì tùy theo tính chất mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Thời gian bồi thường không quá 2 năm kể từ khi quyết định có hiệu lực chấm dứt học tập và bồi thường tiền vay. Nộp tiền bồi thường cho Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Kiên Giang.

Điều 3. Trách nhiệm của bên C

Bảo lãnh cho con là (ông) bà, được đi học, thời gian kinh phí vay tại Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Kiên Giang.

Cam kết thực hiện bồi hoàn tiền vay theo quy định tại khoản 4, 5 Điều 2 bản hợp đồng này bằng tài sản thế chấp của gia đình tôi:

Điều 4. Trách nhiệm của bên D

Bố trí công tác phù hợp với chuyên môn đã học theo quyết định phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 5. Điều khoản thi hành.

1. Bốn bên đều có trách nhiệm thực hiện đúng theo các điều khoản đã thỏa thuận, các tranh tụng đưa ra toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

2. Hợp đồng này được lập thành 7 bản có giá trị ngang nhau (bên A giữ 3 bản, bên B giữ 1 bản, bên C giữ 1 bản, bên D giữ 1 bản và cơ quan công chứng giữ 1 bản) và được ký kết tại cơ quan công chứng vào ngày ... tháng năm...

Bên A

Sở Nội vụ

(Ký tên, đóng dấu)

Bên B

Ứng viên

(Ký tên, đóng dấu)

Bên C

Người bảo lãnh

(Ký tên, đóng dấu)

Bên D

Cơ quan tiếp nhận ứng viên

(Ký tên, đóng dấu)

**BẢNG CHI TIẾT DỰ TOÁN KINH PHÍ ĐÀO TẠO
50 THẠC SĨ, TIẾN SĨ NƯỚC NGOÀI**

Stt	Nội dung	Số người	Số tiền/1 năm (đơn vị tính đồng)	Số năm	Thành tiền (đơn vị tính đồng)	Quy đổi ra USD (Ước tỷ giá 22.760 VND/USD)
I	Đối với cán bộ, công chức, viên chức học ngoại ngữ trong nước (10 người)				513.000.000	22.540
1	Học phí	15	16.500.000	1	247.500.000	10.874
2	Sinh hoạt phí (hỗ trợ)	15	16.500.000	1	247.500.000	10.874
3	Tài liệu	15	1.200.000	1	18.000.000	791
II	Đào tạo nước ngoài (50 Thạc sĩ, Tiến sĩ)				44.791.450.000	1.967.990
1	Thạc sĩ (45 người)				34.343.100.000	1.508.924
a)	Học phí	45	187.770.000	2	16.899.300.000	742.500
b)	Sinh hoạt phí	45	187.770.000	2	16.899.300.000	742.500
c)	Bảo hiểm	45	6.050.000	2	544.500.000	23.924
2	Tiến sĩ (5 người)				7.631.800.000	335.316
a)	Học phí	5	187.770.000	4	3.755.400.000	165.000
b)	Sinh hoạt phí	5	187.770.000	4	3.755.400.000	165.000
c)	Bảo hiểm	5	6.050.000	4	121.000.000	5.316
3	Vé máy bay (đi về, 2 lượt)	50	45.064.800		2.253.240.000	99.000
4	Visa (lệ phí sân bay đi và về)	50	11.266.200		563.310.000	24.750

Stt	Nội dung	Số người	Số tiền/1 năm (đơn vị tính đồng)	Số năm	Thành tiền (đơn vị tính đồng)	Quy đổi ra USD (Ước tỷ giá 22.760 VND/USD)
III	Chi phí điều hành quản lý				508.200.000	22.329
1	Chi họp, làm ngoài giờ của Ban điều hành, Tổ giúp việc (2 lần/năm)	25	2.904.000	5	363.000.000	15.949
2	Tổ chức Hội nghị sơ, tổng kết (3 đợt/5 năm)		42.350.000	3	127.050.000	5.582
3	Văn phòng phẩm + Điện thoại + trao đổi Email		3.630.000	5	18.150.000	797
IV	Chi phí đi lại liên hệ các cơ sở đào tạo trong nước để tuyển chọn sinh viên	5	3.025.000	5	75.625.000	3.323
	Tổng (I+II+III+IV)				45.888.275.000	2.016.181
	Kinh phí dự phòng (10%)				4.588.827.500	201.617
	Tổng kinh phí				50.477.102.500	2.217.798